

Số: ~~1703~~ /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết: Số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018, số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018, số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án, công trình cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố (năm 2018, 2019 và 2020);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 257/TTr-STN&MT ngày 12/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Cát Hải với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Tổng số 40 dự án/1.012,27 ha đất quy hoạch thực hiện dự án, công trình, cụ thể:

- Kế hoạch sử dụng đất (Biểu số 01).
- Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất (Biểu số 02).
- Kế hoạch thu hồi các loại đất (Biểu số 03).
- Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng (Biểu số 04).
- Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2020 (Biểu số 05).

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải có trách nhiệm:

a) Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Rà soát các công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định này trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo theo đúng danh mục dự án, công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng sai mục đích; kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã cam kết trong dự án..

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Căn cứ quy định tại Điều 67 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, rà soát những dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện; loại bỏ ra khỏi danh mục những dự án, công trình không đủ điều kiện, đảm bảo việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định của pháp luật;

c) Rà soát, tổng hợp hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

d) Lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu thẩm định, trình duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Cát Hải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- Các PCT UBNDTP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: ĐC3, ĐC2, ĐC1, QH, XD, GT, NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Chuyền

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN CÁT HẢI
(Kèm theo Quyết định số **1703** /QĐ-UBND ngày **22 / 6** /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính											
					Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bãi	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Luận	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN			28.699,29	100	3.351,94	737,28	849,33	917,10	104,07	364,52	4.291,29	5.409,74	874,40	4.241,45	6.485,08	1.073,09
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	16.599,93	57,84	816,96	63,68	180,13	10,70	33,40	27,65	2.878,24	4.380,31	768,38	3.335,47	3.360,00	745,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA	79,01	0,48									5,58	12,15	19,88	41,40
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	0,00	0,00												
	Đất trồng lúa còn lại	LUK	0,67	0,00												
	Đất trồng lúa nương	LUN		0,00												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	284,13	1,71	14,13		0,59	0,69	0,03	0,06	4,19	100,32	47,32	93,71	4,80	18,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	267,03	1,61	16,88	0,08	15,87	1,58	3,11	4,12	15,50	23,52	33,24	66,50	31,45	55,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.968,89	35,96	451,19	2,62	4,05	0,00	16,08	3,31	1.584,46	1.813,55	647,54	877,60	83,20	485,29
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.963,45	47,97	244,06							2.364,02	13,24	2.121,85	3.220,28	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	426,86	2,57	63,10							65,69	21,38	163,58		113,11
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.559,87	9,40	25,90	60,79	139,52	8,39	10,06	17,05	1.274,09	13,21	0,08	0,07	0,39	10,32
1.8	Đất làm muối	LMU	27,56	0,17		0,19	20,10	0,04	4,12	3,11						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	23,13	0,14	1,70									0,01		21,42
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	10.954,85	38,17	2.294,91	658,88	637,90	901,08	58,27	326,78	1.408,33	693,51	76,42	858,52	2.850,44	189,81
2.1	Đất quốc phòng	CQP	121,97	0,73	59,13	1,54	8,76		1,68	1,48	26,27	0,08		7,93	0,05	15,05
2.2	Đất an ninh	CAN	0,38	0,00	0,24	0,14										
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	593,12	3,57		268,42	44,52	57,22	9,67	213,29						
2.4	Đất khu chế xuất	SKT														
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN														
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	754,26	4,54	42,17	27,93	228,94	391,70		10,37	9,23	7,54	1,62	27,40	1,75	5,61
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	148,27	0,89	5,07	92,55	3,18	0,02			0,38		9,02	37,57	0,03	0,45
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS														
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	458,69	2,76	60,43	51,80	45,33	41,29	13,27	71,19	46,51	14,54	12,07	53,35	10,92	37,99
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	0,74													0,74
2.11	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL														
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,75	0,05	1,06	1,55				0,07	0,01			4,88	0,18	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	178,67	1,08			29,72	8,06	28,88	27,34	16,47	5,53	4,14	47,29	2,20	9,04
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	132,34	0,80	88,91	43,43										
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,56	0,08	2,71	1,10	0,13	0,34	0,07	0,19	0,14	0,09	0,27	7,24	0,08	0,20
2.16	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	0,64	0,00	0,28				0,28	0,08						



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính											
					Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bãi	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Lượng	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN														
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,87	0,01		0,60	0,31			0,31				0,34		0,31
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	28,73	0,17	2,68	3,11	7,91	0,87	1,24	1,09	6,72	1,22	0,22	1,11	0,98	1,58
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm	SKX														
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH														
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	39,36	0,24	19,61		7,99	0,21	1,06	0,80	0,28		0,32	8,51	0,58	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,28	0,03	0,04	0,25	0,39	0,20	0,49	0,21	0,02	1,00	0,84	0,69	0,06	0,09
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	202,80	1,22							171,44	8,75	2,32	16,12	2,18	1,99
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	8.268,38	49,81	2.012,58	166,45	260,72	401,17	1,63	0,36	1.130,86	654,76	45,57	646,09	2.831,43	116,76
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,04	0,00		0,01							0,03			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.144,51	3,99	240,07	14,72	31,30	5,32	12,40	10,09	4,72	335,92	29,60	47,46	274,64	138,27
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	759,99	66,40	3,09	14,72	31,30	5,32	12,40	10,09	0,08	275,96	13,96	4,71	259,96	128,40
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	157,60	13,77	10,70						4,60	59,96	15,64	42,75	14,68	9,27
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	226,92	19,83	226,28						0,04					0,60



KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN CÁT HẢI
(Kèm theo Quyết định số 1703 /QĐ-UBND ngày 22 / 6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bãi	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Lượn	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		736,01	7,49	67,06	275,81	293,44	14,95	44,24	0,41	0,03	1,41	8,60		2,22
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	65,53	2,19		30,69	16,33	10,17	5,87						0,28
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,01												0,01
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	0,01												0,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,42			0,15									0,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1,00	0,47				0,53							
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	26,13	1,72		8,08	16,33								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	33,70			21,42		6,41	5,87						
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	4,27			1,04		3,23							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN													
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	PNN/PNN	82,57	3,16		46,49	7,67	3,61	21,17						0,47
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang đất ở đô thị	SKC/ONT	0,52	0,52											
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang đất phát triển hạ tầng	SKC/DHT	2,07	2,07											
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang đất thương mại dịch vụ	SKC/TMD													
2.4	Đất thương mại dịch vụ chuyển sang đất thương mại dịch vụ	TMD/TMD													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bãi	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Lục	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
2.5	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất khu công nghiệp	DHT/SKK	20,07			9,80			10,27						
2.5	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất sản xuất kinh doanh	DHT/SKC													
2.6	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất thương mại dịch vụ	DHT/TMD	14,88			12,17	2,71								
2.7	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất phát triển hạ tầng	DHT/DHT	0,08	0,08											
2.8	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất ở đô thị	DHT/ODT	0,21	0,21											
2.9	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất ở tại nông thôn	DHT/ONT	1,90					1,90							
2.10	Đất ở tại nông thôn chuyển sang đất khu công nghiệp	ONT/SKK	19,29			9,61			9,68						
2.11	Đất ở tại nông thôn chuyển sang đất thương mại dịch vụ	ONT/TMD													
2.12	Đất ở tại nông thôn chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	ONT/SKC													
2.13	Đất ở nông thôn chuyển sang đất phát triển hạ tầng	ONT/DHT	0,47												0,47
2.14	Đất ở đô thị chuyển sang đất ở đô thị	ODT/ODT													
2.15	Đất ở đô thị chuyển sang đất phát triển hạ tầng	ODT/DHT	0,21	0,21											
2.16	Đất ở đô thị chuyển sang đất khu công nghiệp	ODT/SKK													
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang đất thương mại dịch vụ	TSC/TMD													
2.18	Đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	TSC/SKC													
2.19	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp chuyển sang đất thương mại dịch vụ	DTS/TMD													
2.20	Đất cơ sở tôn giáo quan chuyển sang đất khu công nghiệp	TON/SKK													
2.21	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng chuyển sang đất khu công nghiệp	NTD/SKK													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bãi	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Lượng	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
2.22	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng chuyển sang đất ở nông thôn	NTD/ONT	0,37					0,37							
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng chuyển sang đất thương mại dịch vụ	TIN/TMD													
2.24	Đất cơ sở tín ngưỡng chuyển sang đất khu công nghiệp	TIN/SKK													
2.25	Đất cơ sở tín ngưỡng chuyển sang đất ở nông thôn	TIN/ONT													
2.26	Đất mặt nước chuyên dùng chuyển sang đất khu công nghiệp	MNC/SKK													
2.27	Đất mặt nước chuyên dùng chuyển sang đất thương mại dịch vụ	MNC/TMD	17,04			12,08	4,96								
2.28	Đất mặt nước chuyên dùng chuyển sang đất phát triển hạ tầng	MNC/DHT	0,07	0,07											
2.29	Đất mặt nước chuyên dùng chuyển sang đất ở nông thôn	MNC/ONT	3,87			2,01		1,34	0,52						
2.3	Đất mặt nước chuyên dùng chuyển đất nghĩa trang nghĩa địa	MNC/NTD													
2.31	Đất thủy lợi chuyển sang đất giao thông	DTL/DGT													
2.32	Đất giáo dục chuyển sang đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DGD/DTS													
2.33	Đất quốc phòng chuyển sang đất khu công nghiệp	CQP/SKK	0,82			0,82									
2.34	Đất khu công nghiệp chuyển sang đất quốc phòng	SKK/CQP	0,70						0,70						
3	Đất chưa sử dụng chuyển sang phi nông nghiệp	BCS/PNN	567,56	2,14	67,06	198,63	269,44	1,17	17,20	0,41	0,03	1,41	8,60		1,47
3.1	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất quốc phòng	BCS/CQP													
3.2	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất bãi thải, khu xử lý chất thải	BCS/DRA	4,13										4,13		
3.3	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất khu công nghiệp	BCS/SKK	53,50		39,17	0,29	9,19		4,85						
3.4	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất thương mại dịch vụ	BCS/TMD	489,01	0,09	27,89	196,56	257,75			0,03		1,09	4,40		1,20
3.5	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất sản xuất phi nông nghiệp	BCS/SKC													
3.6	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất phát triển hạ tầng	BCS/DHT	4,36	1,59			2,50								0,27
3.7	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất ở nông thôn	BCS/ONT	13,59					1,17	12,35				0,07		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bãi	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Lục	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
3.8	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất ở đô thị	BCS/ODT	2,16	0,38		1,78									
3.9	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất nghĩa trang nghĩa địa	BCS/NTD													
3.1	Đất chưa sử dụng chuyển sang đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp	BCS/DTS	0,08	0,08											
3.11	Đất đồi núi chưa sử dụng chuyển sang đất phát triển hạ tầng	DCS/CQP	0,03								0,03				
3.12	Đất đồi núi chưa sử dụng chuyển sang đất phát triển hạ tầng	DCS/DKV	0,10							0,10					
3.13	Đất đồi núi chưa sử dụng chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng	DCS/DKV	0,60							0,28		0,32			
4	Đất phi nông nghiệp chuyển sang đất nông nghiệp	PPN/NNP	19,35							19,35					
4.1	Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang đất rừng phòng hộ	MNC/RPH	19,35							19,35					
II	ĐẤT MẶT NƯỚC VEN BIỂN		1,00					1,00							
1	Đất mặt nước ven biển chuyển sang đất phi nông nghiệp	MVB/PNN	1,00					1,00							
1.1	Đất mặt nước ven biển chuyển sang đất quốc phòng	MVB/CQP	1,00					1,00							

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN CÁT HẢI

(Kèm theo Quyết định số **1403** /QĐ-UBND ngày **22** / **6** /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bài	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Luận	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		367,44	11,07		69,97	26,50	8,24	30,15	21,44	0,03	0,32	0,22		
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	52,31	1,88		24,92	16,33	6,21	2,90				0,07		
1.1	Đất trồng lúa	LUA													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,02			0,02									
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,23	0,16									0,07		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	26,13	1,72		8,08	16,33								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	25,60			16,82		6,21	2,57						
1.8	Đất làm muối	LMU	0,33						0,33						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH													
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	110,72	8,40		44,76	10,17	2,02	24,31	21,06					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,82			0,82									
2.2	Đất an ninh	CAN													
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,70						0,70						
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,52	0,52											
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	46,41	6,58		22,23	5,21	0,61	11,78						
2.7	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT													
2.8	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL													
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA													
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	20,56			9,61			10,95						

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bài	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Luận	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	1,23	1,23											
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC													
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS													
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN													
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	TON													
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,07					0,07							
2.17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX													
2.18	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH													
2.19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV													
2.2	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN													
2.21	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON													
2.22	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	40,41	0,07		12,10	4,96	1,34	0,88	21,06					
2.23	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													
2.24	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK													
2.25	Đất công trình công cộng khác	DCK													
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4,91	0,79		0,29		0,01	2,94	0,38	0,03	0,32	0,15		
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	4,18	0,79		0,29		0,01	2,94				0,15		
3.2	Đất chưa sử dụng	NCS	0,73							0,38	0,03	0,32			
II	Đất mặt nước ven biển	MVB	199,50		198,50			1,00							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cát Bà	Thị trấn Cát Hải	Xã Nghĩa Lộ	Xã Đồng Bài	Xã Hoàng Châu	Xã Văn Phong	Xã Phù Long	Xã Gia Luận	Xã Hiền Hào	Xã Trân Châu	Xã Việt Hải	Xã Xuân Đám
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP													
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	567,56	2,14	67,06	198,63	269,44	1,17	17,20	0,41	0,03	1,41	8,60		1,47
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,03								0,03				
2.2	Đất an ninh	CAN													
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	53,50		39,17	0,29	9,19		4,85						
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	489,01	0,09	27,89	196,56	257,75			0,03		1,09	4,40		1,20
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC													
2.6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	4,46	1,59			2,50			0,10					0,27
2.7	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT													
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,60							0,28		0,32			
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	15,37			1,78		1,17	12,35				0,07		
2.1	Đất ở tại đô thị	ODT	0,38	0,38											
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,08											
2.12	Đất bãi thải, khu xử lý chất thải	DRA	4,13										4,13		4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số **1703**/QĐ-UBND ngày **22** / **6** /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Mã đất	DIỆN TÍCH								ĐỊA ĐIỂM	CĂN CỨ PHÁP LÝ	
				Tổng diện tích (ha)	Đã được giao, cho thuê (ha)		Đã thu hồi GPMB nhưng chưa giao (ha)		Diện tích thực hiện trong KHSDD 2020 (ha)					Sử dụng vào loại đất
					Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Tổng diện tích	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển			
I. CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2019 SANG				1.568,40	549,69	140,26	342,19		772,84	771,84	1,00			
1	Khu xử lý rác thải Ấng Chà Chà	UBND huyện Cát Hải	DRA	4,41			4,13		4,13	4,13		BCS	Xã Trân Châu	- STT: 01, Mục XIII. Cát Hải. Biểu 02; STT: 02, Mục XIV Biểu 03, Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND TP; - Quyết định số 55/QĐ-HĐND, ngày 20/10/2017 của HĐND TP về phê duyệt chủ trương đầu tư; - Quyết định số 2896/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của UBND TP về phê duyệt dự án đầu tư. - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 4,13 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất
2	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải - Cát Bà (đoạn Cái Viềng - Mốc Trắng)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	DGT	23,55			18,97		18,97	18,97		DGT	Xã Phù Long	- Công văn số 199/HĐND-CTHĐND ngày 01/11/2017 của HĐND TP về việc bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn quận Lê Chân và huyện Cát Hải; - Quyết định số 2275/QĐ-UBND, ngày 20/11/2007 của UBND TP về việc phê duyệt dự án; - Quyết định số 2502/QĐ-UBND, ngày 26/9/2017 của UBND TP về điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư; - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 18,97 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất
3	Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast (348ha)	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	SKK	12,43	12,43							BCS	Xã Đồng Bài	- Công văn số 139/HĐND-CTHĐND ngày 03/8/2017 của HĐND TP về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2017; - Giấy chứng nhận/đăng ký đầu tư mã số 6554751823 thay đổi lần thứ 6, ngày 08/01/2020. - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 1,16 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất
				150,67	128,60		1,16		1,16	1,16			Xã Văn Phong	
				30,09	30,09								Xã Nghĩa Lộ	
				13,84	13,84								Xã Hoàng Châu	
				0,71	0,61								TT Cát Hải	
				140,26		140,26							Ngoài địa giới	
4	Dự án xây dựng Khu cảng hàng hóa, bến phà, bến tàu khách, nhà máy sản xuất các sản phẩm du lịch, khu dịch vụ hậu cần du lịch (548,97 ha)	Công ty TNHH Mặt trời Cát Bà	TMD	250,80	109,62		95,71		95,71	95,71		BCS	Xã Đồng Bài	- Công văn số 139/HĐND-CTHĐND ngày 03/8/2017 của HĐND TP về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2017; - Quyết định 1032/QĐ-UBND, ngày 10/5/2018 của UBND TP về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 222,53ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện việc giao đất
				25,54									Xã Văn Phong	
				203,44			98,93		98,93	98,93			Xã Nghĩa Lộ	
				41,62			27,89		27,89	27,89			TT Cát Hải	
				27,57									Xã Phù Long	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Mã đất	DIỆN TÍCH								ĐỊA ĐIỂM	CĂN CỨ PHÁP LÝ	
				Tổng diện tích (ha)	Đã được giao, cho thuê (ha)		Đã thu hồi GPMB nhưng chưa giao (ha)		Diện tích thực hiện trong KHSDD 2020 (ha)					Sử dụng vào loại đất
					Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Tổng diện tích	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển			
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư đảo Cát Hải - Giai đoạn 1	UBND huyện Cát Hải	ONT	18,74					18,74	18,74		NTS,LMU, CLN,DGT, DTL,BCS	Xã Văn Phong	- Công văn số 26/HĐND-CTHĐND, ngày 03/3/2017 của HĐND TP v/v bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2017 theo Nghị quyết 149/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND thành phố; - Quyết định số 2858/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của UBND TP phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư đảo Cát Hải GD 1; - Nghị quyết số 46/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 của HĐND TP về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 547/QĐ-UBND, ngày 14/3/2019 của UBND TP về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư đảo Cát Hải GD1; - STT: 26, Mục III. Cát Hải, Biểu 02, Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019 của HĐND TP
				14,95					14,95	14,95			Xã Hoàng Châu	
				10,99					10,99	10,99			Xã Nghĩa Lộ	
6	Trạm kiểm soát Biên Phòng	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố	CQP	0,03					0,03	0,03		DCS	Xã Gia Luận	Quyết định số 1929/QĐ-BTLBP, ngày 02/8/2013 của Bộ Tư lệnh Biên phòng về vị trí đóng quân.
7	Dự án nâng cấp đường 356 đoạn từ ngã ba Hiền Hào đến ngã ba Áng Sỏi (39.96ha)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	DGT	13,12			13,06		13,06	13,06		DGT	Xã Trần Châu	- Công văn số 199/HĐND-CTHĐND ngày 01/11/2017 của HĐND TP về việc bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn quận Lê Chân và huyện Cát Hải; - Quyết định số 40/QĐ-HĐND, ngày 21/9/2017 của HĐND TP về điều chỉnh bổ sung dự án; - Quyết định số 2503/QĐ-UBND, ngày 26/9/2017 của UBND TP về điều chỉnh bổ sung dự án. - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 34,91 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất.
				23,00			18,01		18,01	18,01			Xã Xuân Đám	
				3,47			3,47		3,47	3,47			Xã Hiền Hào	
				0,37			0,37		0,37	0,37			TT Cát Bà	
8	Dự án đầu tư xây dựng đường nối khu I - Vịnh Tùng Dinh	UBND huyện Cát Hải	DGT	2,46			2,00		2,46	2,46		MNC,BCS, CLN	TT Cát Bà	- Thông báo số 272/TB-UBND ngày 25/9/2012 của UBND thành phố về việc thu hồi đất thực hiện án; - Quyết định 2021/QĐ-UBND, ngày 06/10/2009 của UBND TP về phê duyệt dự án; - STT: 07, Biểu 02, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 12/7/2018 của HĐND TP. - Quyết định số 488/QĐ-UBND, ngày 09/5/2017 của UBND huyện Cát Hải về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư. - Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 20/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020. - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 2,0 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.
9	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (526,81ha)	Công ty CP Khu công nghiệp Đình Vũ	SKK	46,60	24,72		9,19		9,19	9,19		BCS	Xã Đồng Bài	- Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án 7620078327 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 3, ngày 26-11/2019; - STT: 02, Mục XIII. Cát Hải, Biểu 02; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND TP. - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 50,28 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất.
				8,71	4,59		1,92		1,92	1,92			Xã Văn Phong	
				471,50	225,19		39,17		39,17	39,17			TT Cát Hải	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Mã đất	DIỆN TÍCH								Sử dụng vào loại đất	ĐỊA ĐIỂM	CĂN CỨ PHÁP LÝ
				Tổng diện tích (ha)	Đã được giao, cho thuê (ha)		Đã thu hồi GPMB nhưng chưa giao (ha)		Diện tích thực hiện trong KHSDĐ 2020 (ha)					
					Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Tổng diện tích	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển			
10	Dự án xây dựng tuyến cáp treo Phù Long - Cát Bà (4,87 ha)	Công ty TNHH Mặt trời Cát Bà	TMD	0,18			0,03		0,03	0,03		BCS	Xã Phù Long	- Công văn số 199/HĐND-CTHĐND ngày 01/11/2017 của HĐND TP về việc bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn quận Lê Chân và huyện Cát Hải; - Quyết định số 2639/QĐ-UBND, ngày 11/10/2017 của UBND TP về chủ trương đầu tư dự án. - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải - Diện tích 2,32 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất.
				1,50			1,09		1,09	1,09			Xã Hiền Hào	
				1,50			1,20		1,20	1,20			Xã Xuân Đám	
				0,13									Xã Trân Châu	
				1,56									TT Cát Bà	
11	Dự án khu tái định cư tổ dân phố Hùng Sơn	UBND huyện Cát Hải	ODT	2,24					2,24	2,24		RPH,CLN, ODT,SKC	TT Cát Bà	- STT: 390, Biểu 01; STT: 368, Biểu 02, Nghị quyết 37/NQ-HĐND TP, ngày 08/12/2017 của HĐND TP; - Quyết định số 1604/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017 về phê duyệt dự án đầu tư. - Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 20/7/2018 của UBND huyện về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.
12	Đấu giá đất thương mại dịch vụ	UBND huyện Cát Hải	TMD	0,15					0,15	0,15		BCS	Xã Trân Châu	- Quyết định số 1513/QĐ-UBND, ngày 28/6/2019 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất huyện Cát Hải; -Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND huyện về phê duyệt quy hoạch nông thôn mới xã Trân Châu - Nguồn gốc là đất bằng chưa sử dụng do UBND xã Trân Châu quản lý, hiện trạng không có nhà trên đất.
13	Dự án khu du lịch sinh thái thể thao leo núi	Công ty CP du lịch Thiên Minh Hòa Bình	TMD + RPH	6,00			5,89		5,89	5,89		BCS, RPH	Xã Trân Châu	- Thông báo số 280/TB-UBND, ngày 12/9/2011 của UBND TP về việc thu hồi đất thực hiện dự án; - Quyết định số 1281/QĐ-UBND, ngày 16/8/2011 của UBND TP về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án; - Giấy chứng nhận đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp số 2485685468, ngày 20/11/2019. - Diện tích 5,89 ha đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất.
14	Dự án cải tạo nâng cấp đường 356 đoạn từ ngã ba Áng Sỏi đến Tổ dân phố số 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	DGT	6,10					6,10	6,10		CLN,RPH, ODT,DGT, DTL	TT Cát Bà	- STT: 393, Biểu 01; STT: 370, Biểu 02, Nghị quyết 37/NQ-HĐND TP, ngày 08/12/2017 của HĐND thành phố; - Quyết định số 2723/QĐ-UBND, ngày 22/10/2018 của UBND TP về phê duyệt dự án đầu tư
15	Dự án di chuyển đường điện 110kV và 35kV Chợ Rộc - Cát Bà	UBND thị xã Quảng Yên	DNL	0,23					0,23	0,23		NTS	xã Nghĩa Lộ	- STT: 08, Biểu 02, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 12/7/2018 của HĐND TP; - Quyết định số 3532/QĐ-UBND, ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt dự án đầu tư; - Công văn số 5807/UBND-CT, ngày 11/6/2017 của UBND TP về chấp thuận mặt bằng hướng tuyến;
16	Dự án mở rộng trụ sở làm việc Chi cục Thuế	Chi cục thuế TP HP	DTS	0,08					0,08	0,08		BCS	thị trấn Cát Bà	- STT: 09, Biểu 02, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 12/7/2018 của HĐND TP; - Quyết định số 12261/QĐ-CT, ngày 24/10/2017 của Cục thuế thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Cát Hải, Hải Phòng.

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Mã đất	DIỆN TÍCH								ĐỊA ĐIỂM	CĂN CỨ PHÁP LÝ	
				Tổng diện tích (ha)	Đã được giao, cho thuê (ha)		Đã thu hồi GPMB nhưng chưa giao (ha)		Diện tích thực hiện trong KHSDĐ 2020 (ha)					Sử dụng vào loại đất
					Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Tổng diện tích	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển			
17	Đầu giá khu đất tại thôn Bến	UBND huyện Cát Hải	ONT	0,03					0,03	0,03		BCS	xã Trần Châu	- STT: 1,2,3, Mục XIV. Cát Hải, Biểu 02, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 của HĐND TP - Công văn số 4624/SXD-QLQH, ngày 04/12/2018 của Sở Xây dựng
18	Đầu giá khu đất tại thôn Bến		ONT	0,04					0,04	0,04		BCS	xã Trần Châu	
19	Đầu giá khu đất tại Tổ dân phố 2		TMD	0,09					0,09	0,09		BCS	TT Cát Bà	
20	Các công trình quốc phòng	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng TP, Bộ Chỉ huy quân sự TP	CQP	8,00					8,00	8,00		NTS	xã Nghĩa Lộ	- Công văn số 548/UBND-ĐC3, ngày 25/01/2018 của UBND TP về việc thu hồi đất quốc phòng để thực hiện các dự án tại đảo Cát Hải; - Công văn số 1691/BQP-TM, ngày 12/02/2018 của Bộ Quốc phòng về việc chuyển giao đất quốc phòng tại đảo Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng cho địa phương để thực hiện các dự án phát triển kinh tế -xã hội.
				0,70				0,70	0,70		SKK	xã Văn Phong		
				1,00				1,00		1,00	MVB	xã Hoàng Châu		
21	Dự án đầu tư Khu vui chơi giải trí, công viên và công trình nghỉ dưỡng đảo Cái Tráp	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	TMD	119,62					119,62	119,62		RPH, DGT,DTL, MNC, BCS	xã Nghĩa Lộ	- Quyết định số 3125/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của UBND TP về bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019; - Quyết định số 3029/QĐ-BQL, ngày 16/9/2019 và cấp giấy chứng nhận đầu tư số 2021182720, ngày 16/9/2019 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; - STT: 01, Mục 11. Cát Hải, Biểu 01; STT: 01, Mục 13. Cát Hải, Biểu 02, Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 của HĐND TP.
				196,38				196,38	196,38				xã Đồng Bãi	
22	Công trình đầu nối đường vào Khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	Công ty CP Khu công nghiệp Đình Vũ	DGT	2,5					2,5	2,5		BCS	xã Đồng Bãi	- Quyết định số 3125/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của UBND TP về bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019; - Công văn số 751/VP-GT2, ngày 08/02/2018 của Văn phòng UBND thành phố; - STT: 10, Biểu 02, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 12/7/2018 của HĐND TP
23	Dự án Tổ hợp sản xuất công nghiệp phụ trợ Vinfast	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	SKK	21,72					21,7	21,7		LMU, NTS, BCS, CQP, ONT, DGT, DTL, NTD	xã Nghĩa Lộ	- Quyết định số 3125/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của UBND TP về bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019; - Quyết định số 3699/QĐ-BQL, ngày 15/11/2019 và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4336118356, ngày 18/11/2019 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; - STT: 02, Mục 13. Cát Hải, Biểu 02, Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 của HĐND TP.
				26,6				26,6	26,6				xã Văn Phong	
II. CÔNG TRÌNH ĐĂNG KÝ MỚI NĂM 2020					244,40	4,74			239,43	40,93	198,50			
24	Đầu giá đất ở	UBND huyện Cát Hải	ONT, ODT	0,07					0,07	0,07		CLN	TDP Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	- Công văn số 4332/SXD-QHKT, ngày 08/10/2019 của Sở Xây dựng về việc cung cấp thông tin quy hoạch các điểm đầu giá sử dụng đất trên địa bàn huyện Cát Hải; - STT: 17,18,19,20,21, Biểu 02, Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019 của HĐND TP
25				0,04				0,04	0,04		CLN			
26				0,04				0,04	0,04		CLN			
27				0,01				0,01	0,01		BCS	TDP 18, thị trấn Cát Bà		
28				0,02				0,02	0,02		BCS			
29	Đầu giá đất ở	UBND huyện Cát Hải	ODT	0,17					0,17	0,17		BCS	TDP 1, thị trấn Cát Bà	Công văn số 4332/SXD-QHKT, ngày 08/10/2019 của Sở Xây dựng về việc cung cấp thông tin quy hoạch các điểm đầu giá sử dụng đất trên địa bàn huyện Cát Hải - Nguồn gốc là đất bằng chưa sử dụng do UBND thị trấn Cát Bà quản lý, hiện trạng không có tài sản trên đất.

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Mã đất	DIỆN TÍCH									ĐỊA ĐIỂM	CĂN CỨ PHÁP LÝ
				Tổng diện tích (ha)	Đã được giao, cho thuê (ha)		Đã thu hồi GPMB nhưng chưa giao (ha)		Diện tích thực hiện trong KHSDD 2020 (ha)			Sử dụng vào loại đất		
					Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Tổng diện tích	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển			
30	Dự án trồng hoa hai bên tuyến đường xuyên đảo Cát Bà phục vụ phát triển du lịch	UBND huyện Cát Hải	DKV	0,28					0,28	0,28		DCS	xã Phù Long	- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 18/9/2019 của HĐND huyện Cát Hải về chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 1551/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án đầu tư
				0,32					0,32	0,32		DCS	xã Hiền Hào	- STT: 23, Biểu 02, Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019 của HĐND TP
31	Dự án xây dựng tuyến đê phục vụ mở rộng nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải	UBND huyện Cát Hải	DTL	1,1					1,1	1,1		NTS	xã Nghĩa Lộ	- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND, ngày 18/9/2019 của HĐND huyện Cát Hải về chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 1538/QĐ-UBND, ngày 28/10/2019 của UBND huyện Cát Hải về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật; - STT: 24, Biểu 02, Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019 của HĐND TP
32	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ ngã 3 Núi Xẻ đến bến Bèo	UBND huyện Cát Hải	DGT	2,4					2,4	2,4		RPH, BCS, ODT	thị trấn Cát Bà	- Nghị quyết số 22/NQ-HĐND, ngày 18/9/2019 của HĐND huyện Cát Hải về chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 1549/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án đầu tư; - STT: 13, Biểu 01; STT: 25, Biểu 02, Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019 của HĐND TP
33	Dự án mở rộng Tổ hợp nghỉ dưỡng cao cấp Cát Bà Beach Resort (17,28ha)	Công ty CP Tập đoàn Flamingo	TMD + RPH	17,28	4,74				12,31	12,31		MNC+RPH	thị trấn Cát Bà	Quyết định số 3058/QĐ-UBND, ngày 09/12/2019 của UBND TP về chủ trương đầu tư dự án; - Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Cát Hải về kết quả giải phóng mặt bằng, giải trình và làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cát Hải Diện tích 12,31 ha không phải thu hồi đất, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để phục vụ việc giao đất.
34	Dự án khai thác cát	Công ty Cổ phần khai thác cát phục vụ Khu kinh tế	SKS	99,0					99,0		99	MVB	thị trấn Cát Hải	Giấy phép số 2750/GP-UBND, ngày 07/12/2015 của UBND TP
35	Dự án khai thác cát	Công ty TNHH Đầu tư công trình và Thương mại Hoàng Phát	SKS	99,5					99,5		99,5	MVB	thị trấn Cát Hải	Giấy phép số 2778/GP-UBND, ngày 04/12/2015 của UBND TP
36	Dự án phục hồi và phát triển rừng ven biển tại quần đảo Cát Bà thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2020	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	RPH	19,35					19,35	19,35		MNC	Xã Phù Long	- Quyết định số 2850/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND TP về việc phê duyệt dự án; - Quyết định số 507/QĐ-SNN, ngày 04/10/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về phê duyệt thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công, dự toán công trình lâm sinh hạng mục: Trồng rừng ngập mặn - Diện tích 19,35 ha hiện trạng là đất mặt nước chuyên dùng do UBND xã Phù Long quản lý, không phải thực hiện công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện việc giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Mã đất	DIỆN TÍCH								Sử dụng vào loại đất	ĐỊA ĐIỂM	CĂN CỨ PHÁP LÝ
				Tổng diện tích (ha)	Đã được giao, cho thuê (ha)		Đã thu hồi GPMB nhưng chưa giao (ha)		Diện tích thực hiện trong KHSDD 2020 (ha)					
					Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển	Tổng diện tích	Đất tự nhiên	Đất mặt nước ven biển			
37	Công trình di chuyển tuyến ĐDK 110kV, 35kV phục vụ GPMB thi công Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải-Cát Bà (đoạn Cái Viềng-Mộc Tráng)	UBND huyện Cát Hải	DNL	0,1					0,1	0,1		BCS	Xã Phù Long	Quyết định số 240/QĐ-UBND, ngày 20/3/2020 của UBND huyện về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình di chuyển tuyến ĐDK 110kV, 35kV phục vụ giải phóng mặt bằng thi công Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải-Cát Bà (đoạn Cái Viềng-Mộc Tráng) - Diện tích 0,1 ha đã giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải - Cát Bà (đoạn Cái Viềng - Mộc Tráng) hiện do UBND xã Phù Long quản lý.
38	Các công trình giao thông theo Đề án nông thôn mới kiểu mẫu gồm: - Đường gắn với tỉnh lộ 356 đoạn Cát Đồn thôn 1 đến ngã ba công làng. - Đường từ Nhà văn hóa thôn 1 đến Ao nước thôn 1 - Đường từ công làng đến đường 356 - Đường trục thôn từ nhà ông Dân đến nhà văn hóa thôn 2,3 - Đường trục thôn từ nhà ông Mặc đến Nhà văn hóa thôn 4 - Đường trục thôn từ nhà ông Hanh đến nhà ông Vui - Đường ngõ xóm thôn 1 - Đường ngõ xóm thôn 2 - Đường ngõ xóm thôn 3 - Đường ngõ xóm thôn 4	UBND huyện Cát Hải	DGT	1,02					1,02	1,02		LUA,BHK, ONT, BCS	xã Xuân Đám	- Đề án số 17/ĐA-UBND, ngày 03/12/2019 của UBND TP về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố HP; - STT: 14, Biểu 01; STT: 22, Biểu 02, Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019 của HĐND TP; - Các Quyết định từ số: 1040/QĐ-UBND, ngày 19/5/2020 đến số 1049/QĐ-UBND, ngày 19/5/2020 về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình.
39	Đầu giá đất ở thuộc quỹ đất 10% thu hồi từ dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá-Cát Bà	Trung tâm PTQĐ-Sở TNMT	ODT	3,34					3,34	3,34		ODT	thị trấn Cát Bà	- Quyết định số 2029/QĐ-UBND, ngày 25/11/2010 của UBND thành phố về thu hồi quỹ đất 10%. - Quyết định số 484/QĐ-UBND, ngày 06/5/2016 của UBND huyện Cát Hải về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết 1/500 và ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch khu đất đầu giá quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất 10% thu hồi từ dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá-Cát Bà, huyện Cát Hải.
40	Khu nhà ở tái định cư thuộc quỹ đất 10% thu hồi từ Khu đô thị du lịch Cái Giá-Cát Bà	UBND huyện Cát Hải	ODT	0,36					0,36	0,36		ODT	thị trấn Cát Bà	- Quyết định số 2029/QĐ-UBND, ngày 25/11/2010 của UBND thành phố về thu hồi quỹ đất 10% - Quyết định số 485/QĐ-UBND, ngày 06/5/2016 của UBND huyện Cát Hải về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500 lô LK4 thuộc lô A3 của quỹ đất 10% thu hồi từ Dự án Khu đô thị Cái Giá-Cát Bà, thị trấn Cát Bà.
Tổng				1.812,80	554,43	140,26	342,19		1.012,27	812,77	199,50			